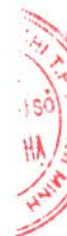


**KINH PHÍ CẤP BÙ HỌC PHÍ DO GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2021-2022 (THÁNG 12/2021)**

Theo Nghị Quyết số 17/2021/HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 287/QĐ-THCSTLH, ngày 07/10/2022  
của Hiệu trưởng Trường THCS Trung Lập Hạ)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
1	Trịnh Văn Ái	9A1	30.000	1	30.000	
2	Trần Ngọc Bảo Anh	9A1	30.000	1	30.000	
3	Lê Gia Bảo	9A1	30.000	1	30.000	
4	Nguyễn Thị Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Hoàng Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
6	Huỳnh Trọng Duy	9A1	30.000	1	30.000	
7	Bùi Phúc Đại	9A1	30.000	1	30.000	
8	Phùng Nguyễn Kim Đào	9A1	30.000	1	30.000	
9	Phạm Tấn Đạt	9A1	30.000	1	30.000	
10	Đình Công Đức	9A1	30.000	1	30.000	
11	Võ Ngọc Hương Giang	9A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Thị Hạ	9A1	30.000	1	30.000	
13	Võ Nguyễn Gia Hân	9A1	30.000	1	30.000	
14	Nguyễn Bá Hiệp	9A1	30.000	1	30.000	
15	Đỗ Đông Hồ	9A1	30.000	1	30.000	
16	Nguyễn Minh Huy	9A1	30.000	1	30.000	
17	Lê Kỳ Bảo Khang	9A1	30.000	1	30.000	
18	Phạm Đặng Phúc Khương	9A1	30.000	1	30.000	
19	Nguyễn Võ Chang Kun	9A1	30.000	1	30.000	
20	Trần Ngọc Liễu	9A1	30.000	1	30.000	
21	Hà Đình Lương	9A1	30.000	1	30.000	
22	Phạm Nguyễn Thảo Ly	9A1	30.000	1	30.000	
23	Trần Phượng Mi	9A1	30.000	1	30.000	
24	Phan Nguyễn Hoàng Minh	9A1	30.000	1	30.000	
25	Lê Ngọc Kiều My	9A1	30.000	1	30.000	
26	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9A1	30.000	1	30.000	
27	Võ Minh Nghĩa	9A1	30.000	1	30.000	
28	Huỳnh Thị Phương Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
29	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
30	Nguyễn Ngọc Ánh Như	9A1	30.000	1	30.000	
31	Trần Dương Tấn Phát	9A1	30.000	1	30.000	
32	Nguyễn Hữu Phước	9A1	30.000	1	30.000	
33	Nguyễn Như Quỳnh	9A1	30.000	1	30.000	
34	Tô Nguyễn Thanh Tấn	9A1	30.000	1	30.000	
35	Huỳnh Gia Thiện	9A1	30.000	1	30.000	
36	Cù Thị Thư	9A1	30.000	1	30.000	
37	Nguyễn Hoàng Mỹ Thư	9A1	30.000	1	30.000	
38	Trần Lê Anh Thư	9A1	30.000	1	30.000	
39	Phạm Lê Hoài Thương	9A1	30.000	1	30.000	
40	Lê Thị Bích Trâm	9A1	30.000	1	30.000	
41	Võ Minh Trí	9A1	30.000	1	30.000	
42	Tăng Phương Trinh	9A1	30.000	1	30.000	
43	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	9A1	30.000	1	30.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
44	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
45	Nguyễn Anh Tuấn	9A1	30.000	1	30.000	
46	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9A1	30.000	1	30.000	
47	Ngô Quốc Việt	9A1	30.000	1	30.000	
48	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	9A2	30.000	1	30.000	
49	Nguyễn Ngọc Ánh	9A2	30.000	1	30.000	
50	Lê Minh Gia Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
51	Nguyễn Thái Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
52	Bùi Trung Chánh	9A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Tăng Thanh Duy	9A2	30.000	1	30.000	
54	Trương Lê Mộng Duy	9A2	30.000	1	30.000	
55	Nguyễn Thị Kim Duyên	9A2	30.000	1	30.000	
56	Trần Thị Xuân Đào	9A2	30.000	1	30.000	
57	Nguyễn Hoàng Minh Đức	9A2	30.000	1	30.000	
58	Nguyễn Hằng Hân	9A2	30.000	1	30.000	
59	Nguyễn Võ Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
60	Võ Thị Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Minh Hiếu	9A2	30.000	1	30.000	
62	Trần Gia Huy	9A2	30.000	1	30.000	
63	Trương Đăng Huy	9A2	30.000	1	30.000	
64	Nguyễn Chí Khanh	9A2	30.000	1	30.000	
65	Hồ Đăng Khoa	9A2	30.000	1	30.000	
66	Trần Phú Khương	9A2	30.000	1	30.000	
67	Lê Thị Ngọc Linh	9A2	30.000	1	30.000	
68	Lâm Phi Long	9A2	30.000	1	30.000	
69	Trương Văn Minh	9A2	30.000	1	30.000	
70	Phạm Thị Hồng Ngân	9A2	30.000	1	30.000	
71	Nguyễn Lý Khôi Nguyên	9A2	30.000	1	30.000	
72	Lê Ngọc Kiều Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
73	Nguyễn Kim Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
74	Trần Thị Quỳnh Như	9A2	30.000	1	30.000	
75	Phan Đăng Kiều Oanh	9A2	30.000	1	30.000	
76	Võ Hoàng Phúc	9A2	30.000	1	30.000	
77	Nguyễn Minh Phụng	9A2	30.000	1	30.000	
78	Nguyễn Hoàng Sơn	9A2	30.000	1	30.000	
79	Lê Hoàng Tiến Thành	9A2	30.000	1	30.000	
80	Lê Như Thảo	9A2	30.000	1	30.000	
81	Nguyễn Lê Minh Thư	9A2	30.000	1	30.000	
82	Huỳnh Thương	9A2	30.000	1	30.000	
83	Hoàng Ngọc Bảo Thy	9A2	30.000	1	30.000	
84	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
85	Trần Thủy Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
86	Huỳnh Trọng Tín	9A2	30.000	1	30.000	
87	Trần Trung Tính	9A2	30.000	1	30.000	
88	Trần Huyền Trân	9A2	30.000	1	30.000	
89	Phùng Nguyễn Kim Trúc	9A2	30.000	1	30.000	
90	Phan Cẩm Tú	9A2	30.000	1	30.000	
91	Nguyễn Thanh Tuấn	9A2	30.000	1	30.000	
92	Nguyễn Hà Văn	9A2	30.000	1	30.000	
93	Nguyễn Minh Cảnh	9A3	30.000	1	30.000	
94	Phan Ngọc Minh Châu	9A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
95	Trần Nguyễn Lan Chi	9A3	30.000	1	30.000	
96	Trần Mạnh Dũng	9A3	30.000	1	30.000	
97	Nguyễn Thành Đạt	9A3	30.000	1	30.000	
98	Dương Phạm Quỳnh Giang	9A3	30.000	1	30.000	
99	Ngô Huỳnh Hoàng Giang	9A3	30.000	1	30.000	
100	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	9A3	30.000	1	30.000	
101	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	9A3	30.000	1	30.000	
102	Bùi Mai Xuân Hiếu	9A3	30.000	1	30.000	
103	Huỳnh Gia Huy	9A3	30.000	1	30.000	
104	Phan Văn Khải	9A3	30.000	1	30.000	
105	Võ Bảo Khanh	9A3	30.000	1	30.000	
106	Lê Trần Anh Khoa	9A3	30.000	1	30.000	
107	Cao Anh Kiệt	9A3	30.000	1	30.000	
108	Phan Thị Thu Kiều	9A3	30.000	1	30.000	
109	Mai Nguyễn Khánh Linh	9A3	30.000	1	30.000	
110	Trần Khánh Ly	9A3	30.000	1	30.000	
111	Nguyễn Công Minh	9A3	30.000	1	30.000	
112	Trần Nguyễn Hoài Nam	9A3	30.000	1	30.000	
113	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	9A3	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Thị Xuân Nghĩa	9A3	30.000	1	30.000	
115	Dương Thành Nhân	9A3	30.000	1	30.000	
116	Nguyễn Lê Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Gia Phúc	9A3	30.000	1	30.000	
119	Vũ Mai Phương	9A3	30.000	1	30.000	
120	Hà Văn Sang	9A3	30.000	1	30.000	
121	Lê Thành Tài	9A3	30.000	1	30.000	
122	Nguyễn Thanh Thảo	9A3	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Hoàng Thời	9A3	30.000	1	30.000	
124	Bùi Minh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
125	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
126	Phạm Thị Thu Trang	9A3	30.000	1	30.000	
127	Đặng Ái Trâm	9A3	30.000	1	30.000	
128	Nguyễn Minh Trí	9A3	30.000	1	30.000	
129	Lê Thanh Trúc	9A3	30.000	1	30.000	
130	Trần Đức Trung	9A3	30.000	1	30.000	
131	Trần Minh Tuấn	9A3	30.000	1	30.000	
132	Trần Thị Bích Tuyền	9A3	30.000	1	30.000	
133	Nguyễn Quốc Việt	9A3	30.000	1	30.000	
134	Phạm Thị Yên Vy	9A3	30.000	1	30.000	
135	Trịnh Nguyễn Thúy Vy	9A3	30.000	1	30.000	
136	Huỳnh Đức Lâm	9A3	30.000	1	30.000	
Tổng cộng 9 (136 hs)					4.080.000	

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng

Trung Lập Hạ, ngày tháng năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thanh Thúy



Hà Thị Thu Thủy